

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG GIANG
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10/9/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG GIANG, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Văn Hình.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà A Lăng Thị Phương.

Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Nam, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Giang tham gia phiên tòa: Ông A Tìng Tộc, Kiểm sát viên.

Hội 08 giờ 30 phút, ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/HPT-QĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: M, sinh năm 1999.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn CN, xã AT, huyện ĐG, tỉnh Quảng Nam; hiện trú tại: Thôn AD, xã BL, huyện TG, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho M: Ông ZN - Trợ giúp viên pháp lý.

Địa chỉ: Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 04 tại huyện Đông Giang thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Bị đơn: T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn CN, xã AT, huyện ĐG, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 01 năm 2024, các lời khai tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn M trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: M và T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 3 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện ĐG, tỉnh Quảng Nam trên tinh thần tự nguyện.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên ghen tuông vô cớ, cấm đoán không cho chị M tự do đi lại. Có lần anh T ném hết đồ đạc, quần áo chị M ra ngoài và đuổi ra khỏi nhà.

Sau khi ném đồ và đuổi chị khỏi nhà thì anh T đi uống rượu. Anh T đánh đập, xúc phạm danh dự, nhân phẩm chị M. Mặt khác, anh T thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ, có hành vi bạo lực gia đình. Do không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên từ tháng 6 năm 2023 chị M đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở thôn AD, xã BL, huyện TG, tỉnh Quảng Nam sống cho đến nay.

Vì hạnh phúc gia đình, chị M nhiều lần đã ngồi nói chuyện với anh T để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng anh T không quan tâm. Chị M xét thấy mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, hạnh phúc gia đình không có, tình cảm cũng hết nên chị M làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với T.

2. Về con chung: Có 02 con chung là AT, sinh ngày 11/01/2017 và AT1, sinh ngày 06/4/2019. Các con hiện đang sống với anh T tại nhà cha mẹ ruột anh T ở thôn CN, xã AT, huyện DG, tỉnh Quảng Nam. Ly hôn, chị M có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu AT1, giao anh T nuôi dưỡng cháu AT. Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Tấn.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn T:* T có hộ khẩu thường trú tại thôn CN, xã AT, huyện DG, tỉnh Quảng Nam. Theo kết quả xác minh tại Công an xã AT thì anh T vẫn còn cư trú và sinh sống tại địa phương. Sau khi Tòa án nhân dân huyện Đông Giang thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập cũng như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không có lý do. Do đó, việc lấy lời khai của T và việc hòa giải không thực hiện được.

Qua xác minh tại UBND xã AT, Hội Liên hiệp Phụ nữ xã AT và Trưởng thôn CN, xã AT: Cho thấy giữa M và T mâu thuẫn kéo dài. Chị M và anh T không còn sống chung, tình cảm vợ chồng, kinh tế gia đình mỗi người tự lo.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn M đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 186, 188, 189 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn T trong quá trình giải quyết vụ án không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, anh T vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho M được ly hôn với T.

- Về quan hệ con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu AT1 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu AT cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật. Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Tấn nên không đề cập.

- Về quan hệ tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị M không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* M có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với T, giao quyền nuôi con chung. Anh T có nơi cư trú tại huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:*

M và T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT vào ngày 20/3/2017, nên quan hệ hôn nhân giữa M và T là hợp pháp.

Theo lời trình bày của chị M và qua xác minh tại địa phương thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T thường xuyên ghen tuông vô cớ, cấm đoán không cho chị M tự do đi lại. Anh T đánh đập, xúc phạm danh dự, nhân phẩm chị M. Anh T thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, có hành vi bạo lực gia đình; tình trạng mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm không hàn gắn được.

Chị M và anh T bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, kéo dài, vợ chồng không còn chung sống từ tháng 6 năm 2023 đến nay. Tòa án đã tạo điều kiện về mặt thời gian, tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng T không có thiện chí trong việc tham gia hòa giải, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của M, cho chị M được ly hôn T.

[2.2] *Về con chung:* Chị M và anh T có 02 con chung là AT, sinh ngày 11/01/2017 và AT1, sinh ngày 06/4/2019. Chị M có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu AT1 và giao T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu AT.

Xét thấy, chị M và anh T đều làm nông, việc làm và thu nhập không ổn định. Trong cuộc sống hàng ngày chủ yếu làm nương rẫy, thỉnh thoảng có đi làm thuê khai thác cây keo. Bên cạnh đó, chị M và anh T chưa có nhà ở, cả hai đều sống nhờ nhà cha mẹ ruột của mình. Cháu AT có nguyện vọng được ở với cha là anh T. Căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị M, giao

cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con AT1 cho đến khi đủ tuổi thành niên, giao T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con AT cho đến khi đủ tuổi thành niên là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con AT1 nên Hội đồng xét xử không xem xét. T không có bản tự khai, vắng mặt tại phiên tòa nên HĐXX không biết việc anh T có yêu cầu chị M có cấp dưỡng cháu AT hay không nên HĐXX không xem xét trong vụ án này. Sau này nếu anh T có đơn yêu cầu giải quyết thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Sau này nếu anh T hoặc chị M có đơn yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí xin ly hôn theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, năm 2024 hộ gia đình T thuộc hộ nghèo nên chị M được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho M được ly hôn với T.
2. Về con chung: Có 02 con chung. Giao con chung AT1, sinh ngày 06/4/2019 cho M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên. Giao con chung AT, sinh ngày 11/01/2017 cho T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên (hiện cháu Tuấn và Tấn đang ở với anh T tại thôn CN, xã AT, huyện ĐG, tỉnh Quảng Nam).

Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Tấn. Chị M, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mình không trực tiếp nuôi sau ly hôn và không ai được cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị M không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: M được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (10/9/2024). Bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện Đông Giang;
- Chi cục THADS huyện Đông Giang;
- UBND xã AT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Mạc Văn Hình